

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SXD-QLN

Hải Dương, ngày tháng 7 năm 2024

Về việc công bố Đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Kính gửi:

- Các Sở, Ban, Ngành tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh Hải Dương;
- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các huyện, thị xã, thành phố;
- Các Chủ đầu tư dự án trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09-02-2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30-6-2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31-8-2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31-8-2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 26-7-2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc ủy quyền công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Sở Xây dựng công bố Đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương để các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan áp dụng trong lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng từ ngày 01-7-2024 như sau:

TT	Nhóm	Cấp bậc	Đơn giá nhân công xây dựng bình quân theo khu vực		
			Vùng I	Vùng II	Vùng III
I	Nhóm nhân công xây dựng				
1.1	Nhóm I	3,5/7	232.000	223.000	207.000
1.2	Nhóm II	3,5/7	237.000	228.000	211.000
1.3	Nhóm III	3,5/7	261.000	251.000	231.000
1.4	Nhóm IV				
	+ Nhóm vận hành máy, thiết bị thi công xây dựng.	3,5/7	254.000	244.000	227.000
	+ Nhóm lái xe các loại	2/4	254.000	244.000	227.000

II	Nhóm nhân công khác				
2.1	Vận hành tàu, thuyền sông				
	- Thuyền trưởng	1,5/2	409.000	394.000	365.000
	- Thuyền phó, máy I	1,5/2	388.000	373.000	346.000
	- Máy trưởng, Điện trưởng	1,5/2	390.000	375.000	348.000
	- Máy II, Kỹ thuật viên cuộc I	1,5/2	388.000	373.000	346.000
	- Kỹ thuật viên cuộc II	1,5/2	363.000	349.000	324.000
	- Thủy thủ, thợ máy, thợ điện	2/4	348.000	327.000	303.000
2.2	Thợ lặn	2/4	620.000	570.000	534.000
2.3	Kỹ sư khảo sát, thí nghiệm, kỹ sư trực tiếp	4/8	270.000	260.000	246.000
2.4	Nghệ nhân	1,5/2	590.000	560.000	520.000

Theo quy định tại Nghị định số 74/2024/NĐ-CP thì việc phân vùng các địa bàn trong tỉnh Hải Dương như sau:

Vùng I: Thành phố Hải Dương.

Vùng II: Thành phố Chí Linh; thị xã Kinh Môn và các huyện Bình Giang, Cẩm Giàng, Gia Lộc, Kim Thành, Nam Sách, Tứ Kỳ.

Vùng III: Các huyện Ninh Giang, Thanh Hà, Thanh Miện.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan đơn vị phản ánh về Sở Xây dựng để được hướng dẫn thực hiện hoặc tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét giải quyết theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh; (để báo cáo)
- UBND cấp xã (do UBND cấp huyện sao gửi);
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Lưu: VP, QLN, Thố(20b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Trọng Hải